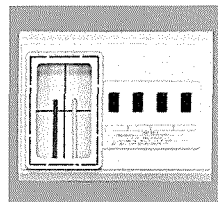
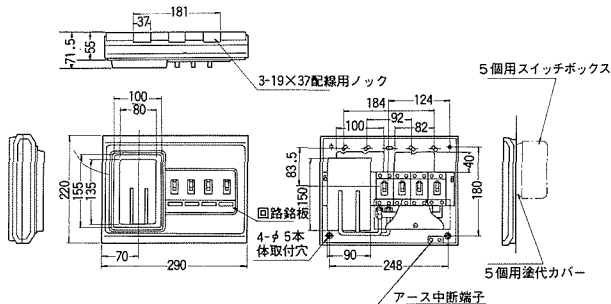
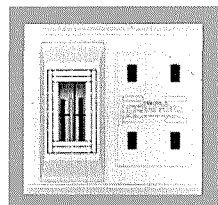
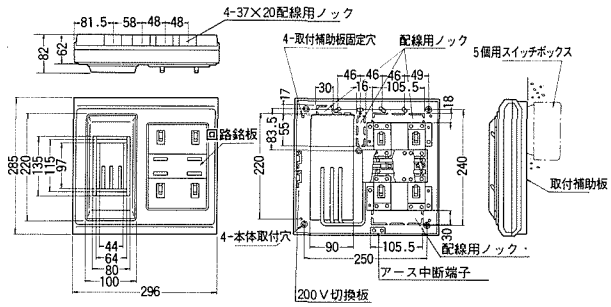
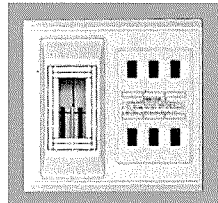
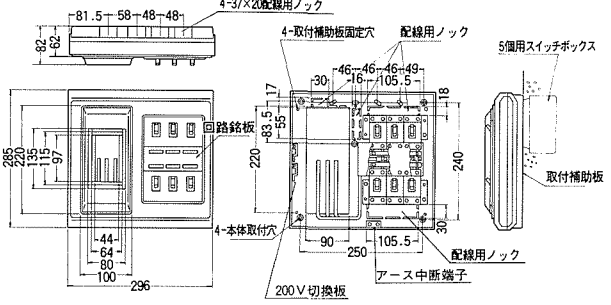
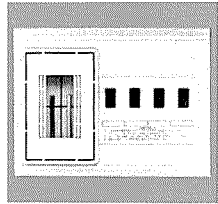
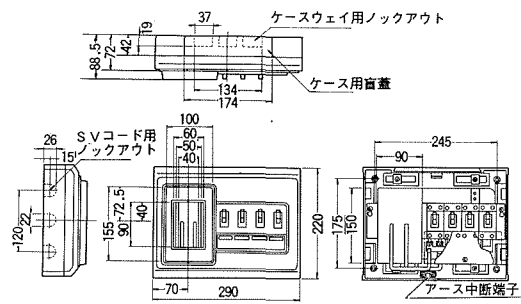
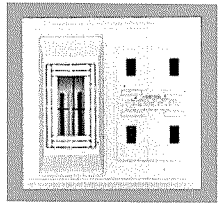
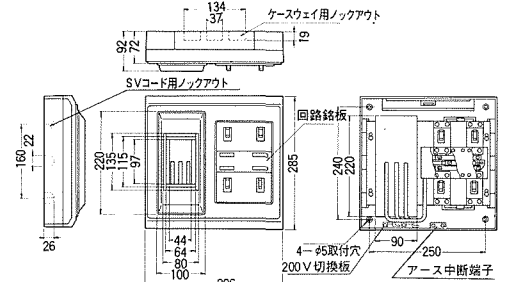


日本住宅公団仕様適合品

リミッター地区用

公団 記号	型 式	相線 式	分岐数		増回路 数	外 観 と 寸 法		
			2P1E 100V	2P2E 100/200V				
般 工 法 用	V-214-A	VT-214-A	1φ2W	2	—	2		
	V-214-B	VT-214-B	1φ2W	3	—	1		
	V-214-C	VT-214-C	1φ2W	4	—	—		
	V-218-A	VT-218-A	1φ3W	2	1	1		
	V-218-B	VT-218-B	1φ3W	3	1	—		
	V-218-C	VT-218-C	1φ3W	2	2	—		
	V-219-A	VT-219-A	1φ3W	4	1	1		
	V-219-B	VT-219-B	1φ3W	3	2	1		
	V-219-C	VT-219-C	1φ3W	4	2	—		
	V-219-D	VT-219-D	1φ3W	5	1	—		
P C 工 法 用 (露 出 配 線 用)	V-214-A	VF-214-A	1φ2W	2	—	2		
	V-214-B	VF-214-B	1φ2W	3	—	1		
	V-214-C	VF-214-C	1φ2W	4	—	—		
	V-218-A	VF-218-A	1φ3W	2	1	1		
	V-218-B	VF-218-B	1φ3W	3	1	—		
	V-218-C	VF-218-C	1φ3W	2	2	—		